

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HSST
Ngày 23 tháng 4 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Trần Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN T; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 10/10/1980 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Phú Yên, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn B (đã chết)

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N1, hiện già yếu ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Hoàng Thị S, sinh năm 1981, hiện lao động tự do ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ và tên: NGUYỄN VĂN T1; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 16/10/1992 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Phú Yên, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12.

Là Đảng viên Đ3, sinh hoạt tại Chi bộ P thuộc Đảng bộ xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Bị đình chỉ sinh hoạt đảng kể từ ngày 26/3/2024 theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 126 ngày 25/3/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy C6.

Bố đẻ: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1955, hiện già yếu ở xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1960, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Hoàng Thị U, sinh năm 1997, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2022

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 21/QĐ-XPHC ngày 27/3/2012, Công an huyện C xử phạt Nguyễn Văn T3 về hành vi trực tiếp xâm hại sức khỏe người khác, hình thức: phạt tiền, mức phạt: 1.000.000 đồng. Đã thi hành ngày 27/3/2012.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN T4; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20/01/1980 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Phú Yên, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn T5, sinh năm 1944, hiện già yếu ở xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949, hiện già yếu ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Dương Thị H1, sinh năm 1981, hiện lao động tự do ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2012

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

4. Họ và tên: NGUYỄN VĂN C; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 05/01/1988 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Phú Yên, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968, hiện làm ruộng tại xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Nguyễn Thị N2, sinh năm 1992, hiện lao động tự do ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2020

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

5. Họ và tên: PHẠM VĂN TIẾN; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 10/4/1980 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Đoàn Kết, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12.

Bố đẻ: Phạm Hồng C1 (đã chết)

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị C2, sinh năm 1952, hiện già yếu ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1984, hiện làm công nhân ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2020

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

6. Họ và tên: NGUYỄN VĂN T6; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 22/02/1981 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Phú Yên, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12

Là Đảng viên Đ3, sinh hoạt tại Chi bộ P thuộc Đảng bộ xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Bị đình chỉ sinh hoạt đảng kể từ ngày 26/3/2024 theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 127 ngày 25/3/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy C6.

Bố đẻ: Nguyễn Công Q1 (đã chết)

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1950, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Trần Thị H4, sinh năm 1986, hiện lao động tự do ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

7. Họ và tên: NGUYỄN VĂN T7; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20/8/1990 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Phú Yên, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12.

Bố đẻ: Nguyễn Hữu T8, sinh năm 1959, hiện già yếu ở xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị B1, sinh năm 1960, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Nguyễn Thị Kim H5, sinh năm 1991, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

8. Họ và tên: NGUYỄN VĂN H6; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 10/6/1980 tại C, Phú Thọ

Nơi cư trú: khu Phú Yên, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1951, hiện làm ruộng ở xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Mẹ đẻ: Dương Thị C3, sinh năm 1954, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Hoàng Thị T9, sinh năm 1981, hiện làm ruộng ở xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024. Hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 40 phút ngày 07/01/2024, tại gác xép nhà Nguyễn Văn T10, sinh năm 1980 ở khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, Công an huyện C phát hiện, bắt quả tang 08 (tám) đối tượng đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “xóc đĩa”, sạt phạt nhau bằng tiền gồm: **Nguyễn Văn T10** (chủ nhà), **Phạm Văn T11** - sinh năm 1980 ở khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; **Nguyễn Văn C4** - sinh năm 1988, **Nguyễn Văn T12** - sinh năm 1981, **Nguyễn Văn T13** - sinh năm 1990, **Nguyễn Văn T3** - sinh năm 1992, **Nguyễn Văn T14** - sinh năm 1980 và **Nguyễn Văn H7** - sinh năm 1980, đều ở khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc: 01 (một) chiếc màn, 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) kéo bằng kim loại, 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 (một) vỏ bao thuốc lá T24 và số tiền 15.150.000 đồng (mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã làm rõ:

Tối ngày 06/01/2024, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn H7 đến nhà Nguyễn Văn T10 ở khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ để chơi, uống nước. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng trên cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa sạt phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý và thống nhất đặt cược 50.000đ/1 ván, ai đặt cao hơn thì tùy; không thống nhất về việc thu tiền hồ (tiền thuê địa điểm đánh bạc). Các đối tượng ngồi đánh bạc trên màn cạ được trải sẵn tại gác xép nhà T10; T10 là người lấy bát sứ, đĩa sứ của gia đình để các đối tượng đánh bạc; T14 là người dùng kéo cắt 04 quân bài hình tròn từ vỏ bao thuốc lá Thăng L và là người xóc cái ván đầu tiên. Khi đánh bạc, các đối tượng ngồi theo hình vòng tròn, ngồi cạnh bên tay phải T10 lần lượt là H7, T14, T3, T11, T13, T12, C4 ngồi cạnh bên tay trái T10.

Khi đánh bạc, Nguyễn Văn T10 có 2.000.000 đồng, Phạm Văn T11 có 1.800.000 đồng, Nguyễn Văn C4 có 2.300.000 đồng, Nguyễn Văn T12 có 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn T13 có 1.450.000 đồng, Nguyễn Văn T3 có 1.600.000 đồng, Nguyễn Văn T14 có 3.000.000 đồng và Nguyễn Văn H7 có 1.500.000 đồng. Các đối tượng sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” ngày 06/01/2024 là: **15.150.000 đồng** (Mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hình thức đánh “xóc đĩa” như sau: Các đối tượng sử dụng 04 quân bài hình tròn, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng được cắt từ vỏ bao thuốc lá T. Người cầm cái cho 04 quân bài vào đĩa sứ rồi úp bát lên và xóc đều. Những người chơi bạc đặt cửa chắn hoặc cửa lẻ. Khi mở bát, nếu có 02 hoặc 04 quân bài cùng màu là cửa chắn, có 03 quân bài cùng màu là cửa lẻ. Nếu về cửa chắn thì người đặt cửa chắn

thắng bạc và được người cầm cái trả cho số tiền bằng số tiền đã đặt cược, còn người đặt cửa lẻ thua bạc và mất số tiền đã cược. Ngược lại nếu về cửa lẻ thì người đặt cửa lẻ thắng bạc và được người cầm cái trả cho số tiền bằng số tiền đã đặt cược, còn người đặt cửa chẵn thua bạc và mất số tiền đã cược.

Các đối tượng đánh bạc liên tục đến khoảng 00 giờ 40 phút ngày 07/01/2024 thì bị Công an huyện C phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT- VKSCK – HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13 và Nguyễn Văn H7 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thú nhận hành vi phạm tội nay không còn lời bào chữa nào khác.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Văn H7 phạm tội "Đánh bạc".

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T10 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T10.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T3 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T3.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T14 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T14.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C4 22.000.000đ (Hai mươi hai

triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C4.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T12 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T12.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T13 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T13.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T11 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024) quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 08 (Tám) tháng 21 (Hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T11. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H7 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024) quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 06 (Sáu) tháng 21 (Hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H7. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Văn T11 và bị cáo Nguyễn Văn H7 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn T11 và bị cáo Nguyễn Văn H7 cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Buộc bị cáo Phạm Văn T11 trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

* Miễn lao động phục vụ cộng đồng cho bị cáo Nguyễn Văn H7.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) chiếc mảnh cọ, 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) kéo bằng kim loại, 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 (một) vỏ bao thuốc lá T24.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 15.150.000 đồng (mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

- Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn T11 và bị cáo Nguyễn Văn H7.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang của cơ quan điều tra và vật chứng đã thu được phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút ngày 06/01/2024 đến 00 giờ 40 phút ngày 07/01/2024, tại nhà Nguyễn

Văn T10 ở khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13 và Nguyễn Văn H7 có hành vi đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” sát phạt nhau bằng tiền. Tổng số tiền các bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc là **15.150.000 đồng** (mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13 và Nguyễn Văn H7 đều là những người chơi đánh bạc nên là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Văn H7 đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“ 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

[3] Xét tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bởi lẽ vấn nạn cờ bạc là một trong các tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang quản lý chặt chẽ, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân đánh bạc dưới mọi hình thức để làm lành mạnh các quan hệ xã hội, từ việc đánh bạc thường dẫn đến những tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự công cộng vì vậy đấu tranh với tội này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân:

Các bị cáo Nguyễn Văn T10, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn H7 đều có nhân thân tốt.

Bị cáo Nguyễn Văn T3: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 21/QĐ-XPHC ngày 27/3/2012, Công an huyện C xử phạt Nguyễn Văn T3 về hành vi trực tiếp xâm hại sức khỏe người khác, hình thức: phạt tiền, mức phạt: 1.000.000 đồng. Đã thi hành ngày 27/3/2012.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Văn H7 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình giải quyết vụ án đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn H7 là người khuyết tật nặng (theo Giấy xác nhận khuyết tật số 25235274 do UBND xã T cấp ngày 19/3/2021) nên được hưởng thêm 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T12 có bố đẻ là ông Nguyễn Công Q1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Quá trình làm bí thư chi bộ, trưởng khu dân cư thôn P, xã T, huyện C đã được Ban chấp hành đảng bộ và Chủ tịch UBND xã T nhiều Giấy khen vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm 2017 đến năm 2023 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T13 có bố đẻ là ông Nguyễn Hữu T8 02 (hai) lần được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên bị cáo được hưởng thêm 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T3: Quá trình làm công an viên khu P, xã T, huyện C đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T tặng Giấy khen và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2020; Năm 2021 bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã; Năm 2023 bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy, đối với bị cáo Nguyễn Văn H7 là người khuyết tật và thuộc hộ nghèo, bị cáo Phạm Văn T11 thuộc hộ nghèo của địa phương nên có thể áp dụng một mức hình phạt không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, về tội các bị cáo đã thực hiện, nh- thế cũng

có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đồng lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13 áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng gì và đều là lao động tự do thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Văn H7 và bị cáo Phạm Văn T11 là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc mảnh cọ, 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) kéo bằng kim loại, 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 (một) vỏ bao thuốc lá T24. Đây là vật mà các bị cáo sử dụng để làm công cụ phương tiện để đánh bạc và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 15.150.000 đồng (mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), tiền ngân hàng N3. Đây là khoản tiền do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn H7 là người khuyết tật và thuộc hộ nghèo, bị cáo Phạm Văn T11 thuộc hộ nghèo và đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật .

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I, Về tội danh:

Áp dụng Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Phạm Văn T11, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Văn H7 phạm tội “Đánh bạc”.

II, Về hình phạt:

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T10 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T10.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T3 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T3.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T14 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T14.

4, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C4 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C4.

5, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T12 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T12.

6, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T13 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T13.

7, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T11 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024) quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 08 (Tám) tháng 21 (Hai một) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T11. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

8, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H7 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 07/01/2024 đến ngày 09/01/2024) quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 06 (Sáu) tháng 21 (Hai một) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H7. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Văn T11 và bị cáo Nguyễn Văn H7 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn T11 và bị cáo Nguyễn Văn H7 cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Buộc bị cáo Phạm Văn T11 trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

* Miễn lao động phục vụ cộng đồng cho bị cáo Nguyễn Văn H7.

[III] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) chiếc mảnh cọ, 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) kéo bằng kim loại, 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 (một) vỏ bao thuốc lá T24.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 15.150.000 đồng (mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

[IV] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T10, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T14, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Văn T13 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn T11 và bị cáo Nguyễn Văn H7.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh phú thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.Cẩm Khê;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- Các bị cáo;
- UBND xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền